

Chỉ đạo nội dung:

Đại tá, Thạc sỹ Trần Thị Bích Huệ

Thực hiện:

Thiếu tá, Thạc sỹ Trần Nữ Quế Phương

Thiếu tá CN Nguyễn Thị Thu Hà

Trung úy CN Bùi Khắc Phúc

Lời giới thiệu

Nhằm giúp bạn đọc nắm được nguồn tài liệu mới nhập về Thư viện Quân đội, chúng tôi biên soạn và cấp phát đến các thư viện trong toàn quân “**Thư mục thông báo tài liệu mới**” số 1 - 2017.

Thư mục TBTLM gồm 2 phần:

- Phần I: Thông báo tài liệu mới: giới thiệu sách quốc văn, ngoại văn, luận văn, mới nhập về Thư viện Quân đội.

- Phần II: Điểm sách.

Tài liệu trong Thư mục được sắp xếp theo nội dung và ngôn ngữ.

Thư viện Quân đội rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các đồng nghiệp và bạn đọc.

Mọi ý kiến xin gửi về:

PHÒNG THÔNG TIN THƯ MỤC MÁY TÍNH
THƯ VIỆN QUÂN ĐỘI
83 Lý Nam Đế - Hà Nội
Điện thoại: 043.8230771 - 069.554556
FAX: 043.8235130
Website: <http://thuvienquandoi.vn>
Email: Thuvienquandoi@mail.bqp
Tvqd@tttt.bqp.vn

THÔNG BÁO TÀI LIỆU MỚI số 1/2017 giới thiệu 285 tài liệu, bằng 02 ngôn ngữ Việt và Anh, trong đó có 246 tài liệu tiếng Việt, 39 tài liệu tiếng Anh, được phân chia theo các nhóm ngành như sau:

- Tổng loại: 01 tài liệu
- Triết học. Tâm lí học. Logic học: 01 tài liệu
- Chủ nghĩa vô thần. Tôn giáo: 06 tài liệu
- Chủ nghĩa Mác - Lênin: 06 tài liệu
- Các khoa học xã hội - chính trị: 67 tài liệu
- Quân sự: 115 tài liệu
- Ngôn ngữ học: 05 tài liệu
- Khoa học tự nhiên. Toán học. Y học: 03 tài liệu
- Kỹ thuật: 03 tài liệu
- Nghệ thuật: 03 tài liệu
- Nghiên cứu văn học. Lịch sử: 12 tài liệu
- Khảo cổ học: 06 tài liệu
- Tác phẩm văn học: 56 tài liệu
- Sách thiếu nhi: 1 tài liệu

PHẦN I: THÔNG BÁO TÀI LIỆU MỚI

0 - TỔNG LOẠI

002 - Xuất bản

001. Báo chí Việt Nam từ khởi thủy đến 1945 / Huỳnh Văn Tòng. - Tái bản có chỉnh sửa và bổ sung. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2016. - 456tr. ; 24cm

002.6/M 164523/M 164524/V 15239/V 15240

1- TRIẾT HỌC. TÂM LÝ HỌC. LOGÍC HỌC

1T - Lịch sử triết học và xã hội học

002. Triết học - Những vấn đề mới trong lý luận và thực tiễn. - H. : Viện Thông tin khoa học xã hội, 2015. - 174tr. ; 29cm

1T/T 23608

2 - CHỦ NGHĨA VÔ THẦN. TÔN GIÁO

29 - Lịch sử tôn giáo

003. Bát trạch minh cảnh / Cố Ngô Tự. - H. : Văn hóa thông tin, 2013. - 343tr. ; 27cm

299/V 15253/V 15254

004. Đường xưa mây trắng: Theo gót chân Bụt / Thích Nhất Hạnh. - Tái bản lần 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Phương đông, 2015. - 689tr. ; 24cm

293+V24/M 164501/M 164502/M 164503

005. La bàn phong thủy toàn thư / Ngô Bạch; Đan Long dịch. - H. : Văn hóa thông tin, 2013. - 408tr. ; 27cm

299/V 15249/V 15250

006. Những vấn đề cơ bản về lịch sử hình thành và quá trình hội nhập văn hóa của cộng đồng người Việt công giáo ở đồng bằng sông Cửu Long: Sách chuyên khảo dùng cho đào tạo sau đại học / Đặng Trí Dũng. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 166tr. ; 21cm

Lưu hành nội bộ

294.2+38(V)/LC 13695

007. Tư trụ chu dịch dự đoán học / Thiệu Vĩ Hoa; Phạm Hồng dịch. - H. : Hồng Đức, 2016. - 964tr. ; 24cm.

299/V 15251/V 15252

008. Xây dựng nhà ở theo địa lý thiên văn dịch lý / Trần Văn Tam. - H. : Hồng Đức, 2016. - 639tr. ; 21cm. - (Văn hóa cổ phương Đông)

299/77490/77491

3K - CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

009. Những điểm mới trong văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng. -

H. : Chính trị quốc gia, 2016. - 140tr. ; 19cm

3KV(060)/M 164481/M 164482/M 164483

010. Tận dụng cơ hội vượt qua thách thức tiếp tục đổi mới toàn diện đưa đất nước tiến lên / Trương Tấn Sang. - H. : Chính trị quốc gia, 2016. - 635tr. ; 24cm

3K5/V 15228

011. Văn hóa chính trị Hồ Chí Minh - Giá trị lý luận và thực tiễn: Sách chuyên khảo / Nguyễn Hữu Lập. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 240tr. ; 21cm

3K5H6/LC 13755/LC 13756

012. Về cách mạng Việt Nam trong thời đại ngày nay / Nguyễn Đức Bình. - H. : Chính trị quốc gia, 2016. - 1131tr. ; 24cm

3KV+32(V)2/V 15230

013. Xây dựng đội ngũ cán bộ dân vận người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới / Thào Xuân Sùng chủ biên. - H. : Chính trị quốc gia, 2016. - 291tr. ; 24cm

3KV4/V 15229

014. British culture: an introduction / David P. Christopher. - 3rd ed.. - London : Routledge, 2015. - 330p. ; 24cm

38(N523)/AV 12043

3 - CÁC KHOA HỌC XÃ HỘI - CHÍNH TRỊ

30 - Các khoa học xã hội

015. Hỏi và đáp xã hội học quân sự / Chủ biên: Phạm Xuân Hảo, Đặng Văn Thi. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 199tr. ; 21cm

301.5/LC 13825/LC 13826

016. Những vấn đề mới của xã hội hiện đại. - H. : Viện Thông tin khoa học xã hội, 2015. - 165tr. ; 29cm

301/T 23611

017. Vốn xã hội phát triển / Nguyễn Quý Thanh chủ biên. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016. - 321tr. ; 21cm

301/M 164436/M 164437

31 - Thống kê. Hoạch toán. Phân tích kinh tế

018. Kiểm toán nội bộ / Nguyễn Phú Giang, Nguyễn Trúc Lê. - H. : Tài chính, 2015. - 247tr. ; 24cm

317.7/M 164292/M 164293

32 - Chính trị. Khoa học chính trị

019. Biên Đông những vấn đề tranh luận, lý giải. - H. : Viện Thông tin khoa học xã hội, 2015. - 139tr. ; 29cm

327/T 23615

020. Các vấn đề của Mỹ và những liên quan. - H. : Viện Thông tin khoa học xã hội, 2015. - 203tr. ; 29cm

32(N711)/T 23606

021. Châu Âu, Nga - Những vấn đề mới và liên quan. - H. : Viện Thông tin khoa học xã hội, 2015. - 186tr. ; 29cm

327+32(N519.1)/T 23613

022. Một số vấn đề mới của Châu Á, Đông Á. - H. : Viện Thông tin khoa học xã hội, 2015. - 154tr. ; 29cm

327/T 23607

023. China's crisis behavior: political survival and foreign policy after the Cold War / Kai He. - Cambridge : Cambridge University Press, 2016. - 174p. ; 23cm

32(N414)+327/AV 12045

024. China's future / David Shambaugh. - Cambridge : Polity, 2016. - 203p. ; 22cm

32(N414)+33(N414)/A 13026

025. China's political system: modernization and tradition / June Teufel Dreyer. - Boston : Pearson, 2015. - 381p. ; 23cm

32(N414)/AV 12042

026. Essentials of terrorism / Gus Martin. - Los Angeles : SAGE, 2017. - 318p. ; 26cm

327.03/AV 12036

027. Global political theory / David Held, Pietro Maffettone. - Malden : Polity, 2016. - 332p. ; 25cm

327/AV 12049

028. Human security / Taylor Owen. - Los Angeles : SAGE, 2013.; 24cm. - (SAGE library of international relation)

Vol. 1 : Concept and critique - 470p.

327/AV 12031

Vol. 2 : As critical theory - 400p.

327/AV 12032

Vol. 3 : Policy and advocacy - 283p.

327/AV 12033

Vol. 4 : Methodologies and tools - 265p.
327/AV 12034

**029. *International relations in Southeast Asia: between bilateralism and multilateralism* / N. Ganesan, Ramses Amer. - Singapore : Institute of Southeast Asian Studies, 2010. - 350p. ; 23cm
327/AV 12051**

**030. *International relations: perspectives, controversies & readings* / Keith L. Shimko. - Boston : Cengage Learning, 2016. - 358p. ; 23cm
327/AV 11948/AV 12055**

**031. *Key research concepts in politics & international relations* / Lisa Harrison, Theresa Callan. - New York : Routledge, 2013. - 161p. ; 21cm
327/A 13018**

032. *Quantitative research in political science* / Ed. by: Robert J. Franzese. - Los Angeles : SAGE, 2015.; 24cm. - (SAGE library of political science)

Vol. 1 - 363p.
32/AV 12023

Vol. 2 - 274p.
32/AV 12024

Vol. 3 - 354p.
32/AV 12025

Vol.4 - 306p.
32/AV 12026

Vol. 5 - 368p.
32/AV 12027

**033. *Research methods in international relations* / Christopher Lamont. - Los Angeles : SAGE, 2015. - 189p. ; 25cm
327/AV 12038**

034. *SAGE series in human rights audits of peace processes* / Rita Manchanda, Tapan Kumar Bose. - New York : Routledge, 2015.; 22cm

Vol.1 : Making war, making peace: conflict resolution in South Asia
- 177p.
32(N45)/A 13019

Vol. 2 : Bridging state and nation: peace accords in India's Northeast
- 198p.
32(N461)/A 13020

Vol. 3: Balochistan: a case study of Pakistan's peacemaking praxis - 198p.
32(N466)/A 13021

Vol.4 : Confronting the Federal Sphinx in Nepal: Madhesh-Tarai - 150p.
32(N465)/A 13022

Vol.5 : Conflict and partition: Chittagong hill tracts, Bangladesh -
143p.
32(N462)/A 13023

**035. *Security and modernity in Southeast Asia* / Antonio L. Rappa. - Boston : Cengage Learning, 2013. - 134p. ; 23cm
327/AV 12058**

**036. *Terrorism and homeland security* / Timothy A. Capron, Stephanie B. Mizrahi. - Los Angeles : SAGE, 2016. - 591p. ; 23cm
327.03/AV 12035**

**037. *Terrorism and political violence* / Ed. by: Caroline Kennedy-Pipe, Gordon Clubb, Simon Mabon. - Los Angeles : SAGE, 2015. - 315p. ; 25cm
327/AV 12039**

**038. *The everyday political economy of Southeast Asia* / Ed. by: Elias Juanita, Lena Rethel. - Cambridge : Cambridge University Press, 2016. - 269p. ; 23cm
32(N45)+33(N45)/AV 12046**

**039. *The logic and limits of political reform in China* / Joseph Fewsmith. - Cambridge : Cambridge University Press, 2013. - 219p. ; 22cm
32(N414)/A 13024**

**040. *The making of Southeast Asia: international relations of a region* / Amitav Acharya. - Singapore : Institute of Southeast Asian Studies, 2012. - 350p. ; 24cm
327/AV 12052**

**041. *The politics of nuclear weapons* / Andrew Futter. - Los Angeles : SAGE, 2015. - 263p. ; 25cm
327.03/AV 12041**

**042. *Understanding conflict resolution* / Peter Wallensteen. - 4th ed.. - Los Angeles : SAGE, 2015. - 336p. ; 25cm
327/AV 12040**

**043. *Understanding terrorism: challenges, perspectives and issues* / Gus Martin. - 5th ed.. - Los Angeles : SAGE, 2016. - 465p. ; 26cm
327.03/AV 12037**

044. World politics: trend & transformation / Shannon L. Blanton, Charles W. Kegley. - Boston : Cengage Learning, 2017. - 560p. ; 26cm
327/AV 12050

33 - Kinh tế. Khoa học kinh tế

045. Cú sốc thời gian và kinh tế Việt Nam / Trần Văn Thọ. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Tri thức, 2016. - 243tr. ; 24cm
33(V)/M 164519/M 164520

046. Cuốn sách nhỏ cho nhà lãnh đạo lớn / John C. Maxwell; Dương Hương dịch. - H. : Lao động, 2015. - 282tr. ; 19cm
335.1/M 164380/M 164381

047. Giác mơ hóa rồng: Kinh tế Việt Nam trong 25 năm mở cửa và đổi mới / Huỳnh Bửu Sơn. - H. : Thế giới, 2016. - 499tr. ; 24cm
33(V)/V 15231/V 15232

048. Giáo trình thương mại quốc tế / Nguyễn Xuân Thiên chủ biên. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015. - 375tr. ; 24cm
339(075)/M 164294/M 164295

049. Lãnh đạo luôn ăn sau cùng / Simon Sinek; Nguyễn Hà dịch. - H. : Lao động, 2015. - 314tr. ; 24cm
335.1/M 164496/M 164497/M 164498

050. Lên gác rút thang: Chiến lược phát triển nhìn từ quan điểm lịch sử / Ha-Joon Chang; Ng.dịch: Hoàng Xuân Diễm, Nguyễn Đình Minh Anh, Trần Mai Anh dịch. - H. : Lao động, 2016. - 274tr. ; 24cm
33.0/V 15243/V 15244

051. Những người khổng lồ trong giới kinh doanh: 7 nhà cải cách doanh nghiệp và đế chế của họ / Richard S. Tedlow; Dịch: Vũ Trọng Đại, Đặng Việt Vinh. - H. : Lao động, 2015. - 515tr. ; 25cm
335.1/M 164494/M 164495

052. Những vấn đề của "Tư bản" và tư bản chủ nghĩa. - H. : Viện Thông tin khoa học xã hội, 2015. - 122tr. ; 29cm
33.011/T 23610

053. Steve Jobs - Hành trình từ gã nhà giàu khinh suất đến nhà lãnh đạo kiệt xuất / Brent Schlender, Rick Tetzeli; Dịch: Minh Hoàng, Thanh Huyền. - H. : Lao động, 2015. - 582tr. ; 24cm
335.1/M 164492/M 164493

054. Xử lý nợ xấu của các ngân hàng thương mại - Kinh nghiệm của Indonesia / Nguyễn Hồng Thu chủ biên. - H. : Khoa học xã hội, 2015. - 211tr. ; 21cm

336.71/M 164484/M 164485

055. *China's economy: what every one needs to know?* / Arthur R. Kroeber. - New York : Oxford University Press, 2016. - 319p. ; 21cm

33(N414)/A 13025

056. *How Asia can shape the world: from the era of plenty to the era of scarcities* / Jorgen Orstrom Moller. - Singapore : Institute of Southeast Asian Studies, 2011. - 540p. ; 23cm

33(N4)/AV 12054

057. *The political economy and media coverage of the european economic crisis: the case of Ireland* / Julien Mercille. - London : Routledge, 2015. - 210p. ; 24cm

33(N524)/AV 12044

058. *The political economy of international law: a European perspective* / Ed. by: Alberta Fabbicotti. - Cheltenham : Edward Elgar Publishing Ltd., 2016. - 461p. ; 24cm

33(N5)+341/AV 12048

059. *The rise and fall of American growth: the U.S. standard of living since the civil war* / Robert J. Gordon. - Princeton : Princeton University Press, 2016. - 762p. ; 24cm

33(N711)/AV 12047

060. *The Tongking Gulf through history* / Ed. by: Nola Cooke, Li Tana, James A. Anderson. - Singapore : Institute of Southeast Asian Studies, 2013. - 222p. ; 23cm

33(V)8+33(N414)/AV 12057

34 - Pháp luật. Khoa học về pháp luật

061. *Bảo vệ chủ quyền và quản lý - khai thác Biển Đảo Việt Nam 1975 - 2014*: Sách chuyên khảo / Phạm Ngọc Trâm. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2016. - 300tr. ; 24cm.

341.15+9(V)/V 15226/V 15227

062. *Bộ luật dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016)*. - H. : Lao động, 2016. - 327tr. ; 19cm

34(V)4/77480/77481

063. *Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016)*. - H. : Lao động, 2016. - 474tr. ; 19cm

34(V)5/77486/77487

064. *Bộ luật tố tụng dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016)*. - H. : Lao động, 2016. - 402tr. ; 19cm

34(V)64/77482/77483

065. Bộ luật tố tụng hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016). - H. : Lao động, 2016. - 425tr. ; 19cm

34(V)65/77484/77485

066. Luật giao thông đường thủy nội địa (Được sửa đổi, bổ sung năm 2014) và văn bản hướng dẫn thi hành. - H. : Lao động, 2015. - 183tr. ; 21cm

34(V)44/77478/77479

067. Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và văn bản hướng dẫn thi hành. - H. : Lao động, 2015. - 182tr. ; 19cm

34(V)7/77476/77477

068. Nhà nước và chính phủ một số vấn đề. - H. : Viện Thông tin khoa học xã hội, 2015. - 112tr. ; 29cm

34/T 23612

069. Law enforcement interpersonal communication and conflict management / Brian D. Fitch. - Los Angeles : SAGE, 2016. - 138p. ; 23cm

341/AV 12029

070. The new world of police accountability / Samuel Walker, Carol A. Archbold. - 2nd ed.. - Los Angeles : SAGE, 2014. - 297p. ; 23cm

34(N711)134/AV 12030

071. Transnational organized crime: an overview from six continents / Jay Albanese, Philip Reichel. - Los Angeles : SAGE, 2014. - 214p. ; 23cm

341/AV 12028

38 - Văn hóa. Văn hóa học

072. Ẩm thực Việt Nam và thế giới / Nguyễn Thị Diệu Thảo. - H. : Phụ nữ, 2015. - 322tr. ; 24cm

384.6/M 164511/M 164512

073. Bí quyết làm nên bản lĩnh người phụ nữ thời đại / Phương Lan. - H. : Thế giới, 2015. - 411tr. ; 27cm

386.1/M 164296/M 164297

074. Mối quan hệ văn hóa Đông Sơn với các văn hóa thời đại Kim khí ở nam Trung Quốc / Trình Năng Chung. - H. : Khoa học xã hội, 2015. - 363tr. ; 24cm

38/M 164509/M 164510

075. Một nẻo đường Kinh Bắc: Sách tham khảo / Đỗ Đa Sỹ. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 132tr. ; 21cm.

380.4+9(V)(069)/LC 13753/LC 13754

076. Những kiềng kị dân gian Việt Nam. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hoá, 2016. - 312tr. ; 19cm

385/77474/77475

077. Những vấn đề mới của văn minh, văn hóa và tôn giáo. - H. : Viện Thông tin khoa học xã hội, 2015. - 236tr. ; 29cm

38+29/T 23614

078. Sự phát triển lý luận về văn hóa của Đảng cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới: Sách chuyên khảo / Lê Trọng Tuyển chủ biên. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 162tr. ; 21cm

38(V)+3KV5/LC 13663/LC 13664

079. Tín ngưỡng của các dân tộc Việt Nam / Ngô Đức Thịnh chủ biên. - H. : Khoa học xã hội, 2016. - 431tr. ; 24cm

385.3/M 164504/M 164505/M 164506/ V 15237/V 15238

080. Tục hay, lệ lạ Thăng Long - Hà Nội / Đỗ Thị Hảo chủ biên. - H. : Phụ nữ, 2016. - 643tr. ; 24cm

385/M 164507/M 164508

081. Văn hóa Việt Nam - Tìm tòi và suy ngẫm / Trần Quốc Vượng. - H. : Văn học, 2003. - 974tr. ; 21cm

38(V)/77488/77489

355 - QUÂN SỰ

355.03 - Nghệ thuật quân sự

082. Nghệ thuật kết hợp phòng thủ, phòng ngự với tiến công trong tác chiến phòng thủ quân khu / Trần Công Vượng. - H. : Học viện Quốc phòng, 2011. - 134tr. ; 29cm

355.03/T 23595

083. Nghiên cứu các loại hình chiến dịch trên biển trong chiến tranh bảo vệ tổ quốc / Phạm Hồng Thuận. - H. : Quân chủng Hải quân, 2011. - 115tr. ; 29cm

355.03/T 23592

084. Nghiên cứu tác chiến phòng thủ bảo vệ biên giới trong chiến tranh bảo vệ tổ quốc / Bé Xuân Trường. - H. : Bộ Quốc phòng, 2012. - 170tr. ; 29cm

355.03/T 23589

085. Nghiên cứu tổ chức bảo đảm kỹ thuật trong tác chiến chống đổ bộ đường biển / Hướng Xuân Thạch. - H. : Bộ Quốc phòng, 2012. - 122tr. ; 29cm

355.03/T 23593

086. Tác chiến phòng thủ quân khu trong chiến tranh bảo vệ tổ quốc / Nguyễn Khắc Nghiên. - H. : Quân đội nhân dân, 2009. - 55tr. ; 29cm

355.03/T 23586

087. *Từ cây giáo đến khẩu súng* / Dương Xuân Đống. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 219tr. ; 21cm.

T.8

355.03/LC 13769/LC 13770

088. *Future war* / Christopher Coker. - Malden : Polity, 2015. - 248p. ; 22cm

355.03/A 13027

355(V) - Các LLVT Việt Nam

089. *Áp dụng biện pháp ngăn chặn trong điều tra tội phạm thuộc thẩm quyền của Bộ đội Biên phòng*: Sách chuyên khảo / Nguyễn Văn Ty. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 194tr. ; 21cm

Lưu hành nội bộ

355(V)78+34(V)5/LC 13787

090. *Bảo đảm hoá học của sư đoàn bộ binh tiến công vào khu vực địch phòng ngự ở địa hình rừng núi: Luận án tiến sĩ quân sự: Chiến thuật: 62.86.62.10* / Nguyễn Cảnh Vinh. - Đà Lạt : Học viện Lục quân, 2007. - 146tr. : + phụ lục ; 30cm

Phục vụ hạn chế

355(V)721+355(V)03/LAV 8356

091. *Bộ đội Biên phòng các tỉnh Tây Bắc phối hợp với công an phòng chống tội phạm về ma túy ở khu vực biên giới*: Sách chuyên khảo / Nguyễn Ngọc Bằng. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 178tr. ; 21cm

Lưu hành nội bộ

355(V)78/LC 13783

092. *Bộ đội Biên phòng các tỉnh Tây Nguyên vận động đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo vệ biên giới quốc gia*: Sách chuyên khảo / Nguyễn Đăng Khoa. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 158tr. ; 21cm

Lưu hành nội bộ

355(V)78/LC 13782

093. *Bộ đội Biên phòng tỉnh phối hợp với lực lượng vũ trang địa phương phòng, chống bạo loạn lật đổ ở các tỉnh biên giới Tây Nguyên*: Sách chuyên khảo / Ngô Hữu Thanh. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 122tr. ; 21cm

Lưu hành nội bộ

355(V)78/LC 13788

094. *Cách đánh của sư đoàn bộ binh được tăng cường tiến công địch phòng ngự đô thị đồng bằng sông Cửu Long: Luận án tiến sĩ quân sự: Chiến thuật: 62.86.62.10* / Đỗ Ngọc Long. - Đà Lạt : Học viện Lục quân, 2011. - 122tr. : + phụ lục ; 30cm

Phục vụ hạn chế

355(V)721+355(V)03/LAV 8345

095. Cách đánh của sư đoàn bộ binh được tăng cường tiến công địch phòng ngự đô thị ở địa hình đồng bằng: Luận án tiến sĩ quân sự: Chiến thuật: 62.86.62.10 / Đỗ Viết Toàn. - Đà Lạt : Học viện Lục quân, 2010. - 136tr. : + phụ lục ; 30cm

Phục vụ hạn chế

355(V)721+355(V)03/LAV 8347

096. Cách đánh của sư đoàn bộ binh được tăng cường từ tiến công chuyển vào phòng ngự trực tiếp tiếp xúc ở địa hình trung du: Luận án tiến sĩ quân sự: Chiến thuật: 62.86.62.10 / Võ Văn Phú. - Đà Lạt : Học viện Lục quân, 2011. - 125tr. : + phụ lục ; 30cm

Phục vụ hạn chế

355(V)721+355(V)03/LAV 8382

097. Cách đánh của sư đoàn bộ binh tăng cường binh khí kỹ thuật tiến công căn cứ sở chỉ huy lữ đoàn địch ở địa hình đồi núi: Luận án tiến sĩ quân sự: Chiến thuật: 6.01.04 / Dương Kim Hồng. - Đà Lạt : Học viện Lục quân, 2002. - 153tr. : + phụ lục ; 30cm

Phục vụ hạn chế

355(V)721+355(V)03/LAV 8355

098. Cách đánh của tăng thiết giáp khi sư đoàn bộ binh được tăng cường phòng ngự ở địa hình trung du: Luận án tiến sĩ quân sự: Chiến thuật: 62.86.62.10 / Đỗ Anh Tuấn. - Đà Lạt : Học viện Lục quân, 2011. - 130tr. : + phụ lục ; 30cm

Phục vụ hạn chế

355(V)722+355(V)03/LAV 8378

099. Cách đánh của trung đoàn bộ binh được tăng cường phòng ngự ở địa hình khu vực bờ biển quân khu 7: Luận án tiến sĩ quân sự: Chiến thuật: 62.86.62.10 / Trịnh Thanh Sơn. - Đà Lạt : Học viện Lục quân, 2011. - 133tr. : + phụ lục ; 30cm

Phục vụ hạn chế

355(V)721+355(V)03/LAV 8384

100. Cách đánh của trung đoàn bộ binh được tăng cường vận động tiến công ở địa hình trung du: Luận án tiến sĩ quân sự: Chiến thuật: 62.86.62.10 / Lê Đình Hoè. - Đà Lạt : Học viện Lục quân, 2009. - 138tr. : + phụ lục ; 30cm

Phục vụ hạn chế

355(V)721+355(V)03/LAV 8354

101. Cách đánh của trung đoàn bộ binh vận động tập kích địch tạm dừng ở địa hình trung du: Luận án tiến sĩ quân sự: Chiến thuật: 62.86.62.10 / Trần Văn Thành. - Đà Lạt : Học viện Lục quân, 2009. - 141tr. : + phụ lục ; 30cm

Phục vụ hạn chế

355(V)721+355(V)03/LAV 8362

102. Giải pháp chuyển hoá thế trận của sư đoàn bộ binh tiến công địch đổ bộ đường không ở địa hình trung du: Luận án tiến sĩ quân sự: Chiến thuật: 62.86.02.05 / Nguyễn Ngọc Long. - Đà Lạt : Học viện Lục quân, 2015. - 147tr. : + phụ lục ; 30cm

Phục vụ hạn chế

355(V)721+355(V)03/LAV 8351

103. Giải pháp nâng cao hiệu quả bảo đảm đường cơ động cho binh khí kỹ thuật trong chiến dịch tiến công ở địa bàn Tây Nguyên: Luận án tiến sĩ quân sự: Nghệ thuật chiến dịch: 62.86.02.04 / Nguyễn Như Ngạn. - Đà Lạt : Học viện Lục quân, 2015. - 150tr. : + phụ lục ; 30cm

Phục vụ hạn chế

355(V)03/LAV 8342

104. Giải pháp thực hiện cách đánh của trung đoàn bộ binh vận động tập kích tạm dừng ở địa hình rừng núi: Luận án tiến sĩ quân sự: Chiến thuật: 62.86.02.05 / Nguyễn Văn Tuấn. - Đà Lạt : Học viện Lục quân, 2015. - 148tr. : + phụ lục ; 30cm

Phục vụ hạn chế

355(V)721+355(V)03/LAV 8373

105. Giải pháp xây dựng khu vực phòng thủ then chốt tỉnh biên giới Tây Nguyên: Luận án tiến sĩ quân sự: Chiến thuật: 62.86.02.05 / Nguyễn Văn Công. - Đà Lạt : Học viện Lục quân, 2015. - 148tr. : + phụ lục ; 30cm

Phục vụ hạn chế

355(V)03/LAV 8369

106. Hoạt động chiến đấu của trung đoàn bộ binh tỉnh trong khu vực phòng thủ tỉnh biên giới miền Đông Nam bộ: Luận án tiến sĩ quân sự: Chiến thuật: 62.86.62.10 / Đào Văn Hùng. - Đà Lạt : Học viện Lục quân, 2009. - 143tr. : + phụ lục ; 30cm

Phục vụ hạn chế

355(V)721+355(V)03/LAV 8390

107. Hoạt động phối hợp của Bộ đội Biên phòng tỉnh với lực lượng vũ trang địa phương trong quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia ở địa bàn Tây Bắc: Sách chuyên khảo / Khuất Văn Tuấn. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 126tr. ; 21cm

Lưu hành nội bộ

355(V)78/LC 13785

108. Kiểm soát xuất, nhập cảnh ở cửa khẩu đường bộ của Bộ đội Biên phòng các tỉnh biên giới Việt Nam - Trung Quốc: Sách chuyên khảo / Cao Xuân Lý. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 203tr. ; 21cm

Lưu hành nội bộ

355(V)78/LC 13786

109. Lịch sử Lữ đoàn 171 Hải quân (1966 - 2016) / Biên soạn: Nguyễn Trọng Ái,.... - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 308tr. ; 21cm

Lưu hành nội bộ

355(V)75/LC 13586

110. Lịch sử Lữ đoàn Phòng không 71 (1971 - 2016) / Chủ biên: Phạm Văn Thiệu, Phạm Thanh Tuấn. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 305tr. ; 21cm

Lưu hành nội bộ

355(V)76/LC 13594

111. *Lịch sử Lữ đoàn Tăng - Thiết giáp 26 (1972 - 2015)* / Hồ Sơn Đài chủ biên. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 438tr. ; 21cm

Lưu hành nội bộ

355(V)722/LC 13596/LC 13597

112. *Lịch sử Nhà máy A32 (1966 - 2016)* / Nguyễn Ngọc Hải chủ biên. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 315tr. ; 21cm

Lưu hành nội bộ

355(V)74/LC 13598

113. *Lịch sử Sư đoàn Bộ binh 7 (1966 - 2016)* / Trần Xuân Ban chủ biên. - Tái bản, có chỉnh lý bổ sung. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 500tr. ; 21cm

Lưu hành nội bộ

355(V)721/LC 13693/LC 13694

114. *Lịch sử Sư đoàn Phòng không 365 (1966 - 2016)* / Nguyễn Ngọc Hải chủ biên. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 535tr. ; 21cm

355(V)76/LC 13696/LC 13697

115. *Lịch sử Trung đoàn Bộ binh 98 (1946 - 2016)*. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 307tr. ; 21cm

Lưu hành nội bộ

355(V)721/LC 13587

116. *Lịch sử Trung đoàn Tên lửa 267 (1966 - 2016)* / Dương Chí Hùng chủ biên. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 298tr. ; 21cm

Lưu hành nội bộ

355(V)71/LC 13750

117. *Lịch sử Trung tâm Kỹ thuật thông tin công nghệ cao (1976 - 2016)*. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - tr. ; 21cm

Lưu hành nội bộ

355(V)726+355(V)(09)/LC 13665

118. *Lịch sử Viện Hóa học - Môi trường quân sự (1976 - 2016)*. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 310tr. ; 21cm

Lưu hành nội bộ

355(V)727/LC 13681

119. *Nghệ thuật đánh cắt giao thông trong chiến dịch tiến công ở địa hình rừng núi: Luận án tiến sĩ quân sự: Nghệ thuật chiến dịch: 62.86.62.05* / Lê Xuân Thắng. - Đà Lạt : Học viện Lục quân, 2006. - 152tr. : + phụ lục ; 30cm

Phục vụ hạn chế

355(V)03/LAV 8343

120. Nghiên cứu ảnh hưởng của địa hình Việt Nam và công tác tham mưu địa hình trong chiến tranh dịch sử dụng vũ khí, phương tiện công nghệ cao / Bùi Công Nghĩa. - H. : Bộ Quốc phòng, 2008. - 171tr. ; 29cm

355(V)/T 23594

121. Nghiên cứu chính sách xã hội đối với quân đội và gia đình quân nhân trong tình hình mới / Trần Văn Minh. - H. : Bộ Quốc phòng, 2014. - 174tr. ; 29cm

355(V)+34(V)/T 23600

122. Nghiên cứu giải pháp nâng cao chất lượng công tác truyền thông về biến đổi khí hậu trong quân đội hiện nay / Nguyễn Văn Nghĩa. - H. : Tổng cục Chính trị, 2014. - 107tr. ; 29cm

355(V)/T 23597

123. Nghiên cứu phát triển lý luận chiến thuật sư đoàn bộ binh tiến công địch cơ động trong chiến tranh bảo vệ tổ quốc / Trịnh Văn Noi. - H. : Học viện Lục Quân, 2011. - 108tr. ; 29cm

355(V)721/T 23587

124. Những vấn đề lý luận và thực tiễn thu hút tài năng phục vụ quân đội ở nước ta hiện nay / Nguyễn Văn Động. - H. : Cục Cán bộ - TCCT, 2013.; 29cm

P.1 - 195tr.

355(V)/T 23603

P.2 - 236tr.

355(V)/T 23604

P.3 - 235tr.

355(V)/T 23605

125. Phát triển cách đánh của lực lượng phòng không ba thứ quân đánh địch tiến công hỏa lực đường không trong chiến tranh bảo vệ tổ quốc / Phạm Ngọc Nguyên. - H. : Bộ Quốc phòng, 2012. - 95tr. ; 29cm

355(V)76/T 23591

126. Tiểu đoàn Thông tin 42 Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân - Lịch sử và kỷ ức (1967 - 1989). - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 269tr. ; 21cm

Lưu hành nội bộ

355(V)726/LC 13802

127. Tổ chức đảm bảo hoá học của sư đoàn bộ binh được tăng cường binh khí kỹ thuật phòng ngự ở địa hình rừng núi: Luận án tiến sĩ quân sự: Chiến thuật: 6.01.04 / Bùi Phi Long. - Đà Lạt : Học viện Lục quân, 2001. - 143tr. : + phụ lục ; 30cm

Phục vụ hạn chế

355(V)721+355(V)03/LAV 8377

128. Tổ chức và chỉ huy hoả lực pháo binh của sư đoàn bộ binh được tăng cường phòng ngự đô thị ở địa hình trung du: Luận án tiến sĩ quân sự: Chiến thuật: 62.86.62.10 / Nguyễn Văn Huế. - Đà Lạt : Học viện Lục quân, 2010. - 140tr. : + phụ lục ; 30cm

Phục vụ hạn chế

355(V)721+355(V)03/LAV 8372

129. Tổ chức và chỉ huy hoả lực pháo binh của sư đoàn bộ binh được tăng cường tiến công trong hành tiến ở địa hình trung du: Luận án tiến sĩ quân sự: Chiến thuật: 62.86.62.10 / Đỗ Tất Nghĩa. - Đà Lạt : Học viện Lục quân, 2010. - 131tr. : + phụ lục ; 30cm

Phục vụ hạn chế

355(V)721+355(V)03/LAV 8357

130. Tổ chức và thực hành chiến đấu của trung đoàn bộ binh vận động phục kích ở đồng bằng sông Cửu Long: Luận án tiến sĩ quân sự: Chiến thuật: 62.86.62.10 / Dương Văn Hà. - Đà Lạt : Học viện Lục quân, 2010. - 129tr. : + phụ lục ; 30cm

Phục vụ hạn chế

355(V)721+355(V)03/LAV 8381

131. Tổ chức và thực hành chiến đấu phá vây của trung đoàn bộ binh được tăng cường phòng ngự đô thị ở địa hình đồng bằng: Luận án tiến sĩ quân sự: Chiến thuật: 62.86.62.10 / Nguyễn Hữu Thìn. - Đà Lạt : Học viện Lục quân, 2011. - 131tr. : + phụ lục ; 30cm

Phục vụ hạn chế

355(V)721+355(V)03/LAV 8380

132. Tổ chức và thực hành đánh địch co cụm kết hợp với đổ bộ đường không của sư đoàn bộ binh được tăng cường tiến công địch phòng ngự ở địa hình trung du: Luận án tiến sĩ quân sự: Chiến thuật: 62.86.62.10 / Nguyễn Trọng Sỹ. - Đà Lạt : Học viện Lục quân, 2011. - 124tr. : + phụ lục ; 30cm

Phục vụ hạn chế

355(V)721+355(V)03/LAV 8388

133. Tổ chức xây dựng hệ thống công sự trận địa của sư đoàn bộ binh được tăng cường phòng ngự ở địa hình rừng bằng miền Đông Nam bộ: Luận án tiến sĩ quân sự: Chiến thuật: 62.86.62.10 / Trịnh Thanh Sơn. - Đà Lạt : Học viện Lục quân, 2008. - 144tr. : + phụ lục ; 30cm

Phục vụ hạn chế

355(V)721+355(V)03/LAV 8383

134. Tổ chức xây dựng và hoạt động chiến đấu của khu vực phòng thủ then chốt tỉnh biên giới quân khu 9: Luận án tiến sĩ quân sự: Chiến thuật: 62.86.62.10 / Nguyễn Văn Hai. - Đà Lạt : Học viện Lục quân, 2011. - 137tr. : + phụ lục ; 30cm

Phục vụ hạn chế

355(V)03/LAV 8375

135. Tổ chức xây dựng và hoạt động tác chiến của lực lượng vũ trang địa phương trong căn cứ chiến đấu tỉnh biên giới Tây Nguyên: Luận án tiến sĩ quân sự: Chiến thuật: 62.86.62.10 / Trần Văn Thành. - Đà Lạt : Học viện Lục quân, 2011. - 125tr. : + phụ lục ; 30cm

Phục vụ hạn chế

355(V)03/LAV 8363

136. Tổ chức, bảo đảm thông tin liên lạc của sư đoàn bộ binh được tăng cường đánh địch đổ bộ đường không ở địa hình trung du: Luận án tiến sĩ quân sự: Chiến thuật: 62.86.62.10 / Trần Khắc Đào. - Đà Lạt : Học viện Lục quân, 2011. - 123tr. : + phụ lục ; 30cm

Phục vụ hạn chế

355(V)721+355(V)03/LAV 8389

137. Tổ chức, bảo đảm thông tin liên lạc của sư đoàn bộ binh được tăng cường tiến công sở chỉ huy lữ đoàn địch phòng ngự ở địa hình trung du: Luận án tiến sĩ quân sự: Chiến thuật: 62.86.62.10 / Nguyễn Hoàng Tuyền. - Đà Lạt : Học viện Lục quân, 2006. - 162tr. : + phụ lục ; 30cm

Phục vụ hạn chế

355(V)721+355(V)03/LAV 8358

138. Tổ chức, sử dụng lực lượng dự bị binh chủng hợp thành của sư đoàn bộ binh được tăng cường tiến công địch phòng ngự ở địa hình đồng bằng sông Cửu Long: Luận án tiến sĩ quân sự: Chiến thuật: 62.86.62.10 / Lương Văn Hiệp. - Đà Lạt : Học viện Lục quân, 2010. - 125tr. : + phụ lục ; 30cm

Phục vụ hạn chế

355(V)721+355(V)03/LAV 8379

139. Tổ chức, sử dụng lực lượng trinh sát của sư đoàn bộ binh được tăng cường tiến công trong hành tiến ở địa hình trung du: Luận án tiến sĩ quân sự: Chiến thuật: 62.86.62.10 / Lê Duy Thu. - Đà Lạt : Học viện Lục quân, 2007. - 145tr. : + phụ lục ; 30cm

Phục vụ hạn chế

355(V)721+355(V)03/LAV 8386

140. Tổ chức, sử dụng lực lượng trinh sát của sư đoàn bộ binh tiến công địch cơ động ở địa hình rừng núi: Luận án tiến sĩ quân sự: Chiến thuật: 62.86.62.10 / Nguyễn Quốc Uy. - Đà Lạt : Học viện Lục quân, 2007. - 153tr. : + phụ lục ; 30cm

Phục vụ hạn chế

355(V)721+355(V)03/LAV 8360

141. Tổ chức, sử dụng trinh sát của sư đoàn bộ binh được tăng cường tiến công địch phòng ngự đô thị ở địa hình trung du: Luận án tiến sĩ quân sự: Chiến thuật: 62.86.62.10 / Trần Ngọc Xưa. - Đà Lạt : Học viện Lục quân, 2009. - 143tr. : + phụ lục ; 30cm

Phục vụ hạn chế

355(V)721+355(V)03/LAV 8385

142. Trung đoàn bộ binh tập kích địch tạm dừng ở địa hình đồng bằng Bắc bộ: Luận án tiến sĩ quân sự: Chiến thuật: 6.01.04 / Nguyễn Thế Phúc. - Đà Lạt : Học viện Lục quân, 2002. - 148tr. : + phụ lục ; 30cm

Phục vụ hạn chế

355(V)721+355(V)03/LAV 8359

143. Vận động quần chúng tham gia phòng, chống tội phạm về ma túy ở khu vực biên giới của Bộ đội Biên phòng các tỉnh Tây Bắc: Sách chuyên khảo / Phạm Xuân Kính. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 191tr. ; 21cm

Lưu hành nội bộ

355(V)78/LC 13784

144. Vận dụng cách đánh trong trường hợp tiến công cứ điểm tiêu diệt lực lượng vòng ngoài, tiếp tục phát triển vào mục tiêu chủ yếu của sư đoàn bộ binh tiến công địch phòng ngự ở địa hình trung du: Luận án tiến sĩ quân sự: Chiến thuật: 62.86.02.05 / Trần Văn Hà. - Đà Lạt : Học viện Lục quân, 2015. - 143tr. : + phụ lục ; 30cm

Phục vụ hạn chế

355(V)721+355(V)03/LAV 8366

145. Leadership lessons from the military / Dheeraj Sharma. - New York : Routledge, 2014. - 185p. ; 22cm

355(V)03/A 13016

355(V)(09) - Lịch sử LLVT cách mạng Việt Nam

146. Công tác Kỹ thuật quân khí Quân khu 5 (1975 - 2010): Biên niên sự kiện / Nguyễn Văn Linh chủ biên. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 347tr. ; 21cm

Lưu hành nội bộ

355(V)(09)+355.9/LC 13682

147. Lịch sử Báo Quân khu ba (1946 - 2016) / Nguyễn Như Mẫn chủ biên. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 211tr. ; 21cm

Lưu hành nội bộ

355(V)(09)+355(V)137/LC 13771

148. Lịch sử Bộ Tham mưu Quân khu 9 - 35 năm xây dựng và chiến đấu bảo vệ Tổ quốc (1975 - 2010) / Biên soạn: Trần Trọng Nghĩa, Nguyễn Minh Phụng, Trần Văn Phụng. - H. : Quân đội nhân dân, 2015. - 337tr. ; 21cm

Lưu hành nội bộ

355(V)(09)/LC 13342/LC 13343/76608/76609

149. Lịch sử Bộ Tham mưu Quân khu 9 - 35 năm xây dựng và chiến đấu bảo vệ Tổ quốc (1975 - 2010) / Biên soạn: Trần Trọng Nghĩa, Nguyễn Minh Phụng, Trần Văn Phụng. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 337tr. ; 21cm

Lưu hành nội bộ

355(V)(09)/LC 13591

150. Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân huyện Cái Bè (1975 - 2010) / Nguyễn Xuân An biên soạn. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 409tr. ; 21cm

Lưu hành nội bộ

355(V)(09)/LC 13772

151. Lịch sử nhà máy Z131 (1966 - 2016) / Hoàng Đình Liên, Phạm Văn Bạch, Nguyễn Hữu Thành. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 303tr. ; 21cm

Lưu hành nội bộ

355(V)(09)/LC 13751/LC 13752

152. Lịch sử xí nghiệp chụp ảnh hàng không (1966 - 2016) / Trần Tiến Hoạt chủ biên. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 208tr. ; 21cm

Lưu hành nội bộ

355(V)(09)+355.8/LC 13634

153. Thanh niên xung phong miền Bắc trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1965 - 1975) / Trương Thị Mai Hương. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 272tr. ; 21cm.

355(V)(09)22+3KTV.13/LC 13614/LC 13615

154. Từ Cảnh Dương đến Tổng hành dinh: Hồi kí / Nguyễn Thế Lực. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 287tr. ; 21cm

355(V)(09)/LC 13817/LC 13818

355(V)13 - Công tác chính trị của Đảng trong các LLVT Việt Nam

155. Biên niên sự kiện đảng bộ Học viện Lục quân (2007 - 2016). - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 202tr. ; 21cm

Lưu hành nội bộ

355(V)13/LC 13686

156. Công tác đảng, công tác chính trị trong bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh ở trường quân sự các tỉnh hiện nay: Sách tham khảo / Đồng Ngọc Châu. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 140tr. ; 21cm

355(V)13/LC 13761

157. Đảng bộ Bộ đội Biên phòng lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số: Sách chuyên khảo / Đặng Văn Trọng. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 167tr. ; 21cm

Lưu hành nội bộ

355(V)13/LC 13789

158. Lịch sử đảng bộ Đoàn 559 - Bộ đội Trường Sơn Bình đoàn 12 (1959 - 2015) / Trần Văn Thức chủ biên. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 771tr. ; 22cm

Lưu hành nội bộ

355(V)13/LC 13809/LC 13810

159. Lịch sử đảng bộ Đoàn Kinh tế - Quốc phòng 4 (1973 - 2016) / Biên soạn: Nguyễn Duy Tường, Trần Ngọc Khuê, Nguyễn Sĩ Toàn. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 304tr. ; 21cm

Lưu hành nội bộ

355(V)13/LC 13803

160. Lịch sử đảng bộ Sư đoàn 316 (1951 - 2016) / Lê Minh Tân chủ biên. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 555tr. ; 21cm

Lưu hành nội bộ

355(V)13/LC 13683

161. Nâng cao chất lượng công tác đảng, công tác chính trị trong quản lý, bảo quản, sử dụng trang bị kỹ thuật ở lực lượng thông tin hiện nay: Sách chuyên khảo / Hà Sỹ Chiến. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 211tr. ; 21cm

355(V)13/LC 13762

162. Nghiên cứu giải pháp nâng cao uy tín của người chỉ huy trung đoàn trong quân đội hiện nay / Nguyễn Như Hội. - H. : Tổng cục Chính trị, 2015. - 103tr. ; 29cm

355(V)13/T 23601

163. Nghiên cứu giải pháp phòng chống "Tự diễn biến", "Tự chuyển hóa" trong cán bộ chủ trì cấp chiến dịch hiện nay / Nguyễn Xuân Thành. - H. : Tổng cục Chính trị, 2015. - 127tr. ; 29cm

355(V)13/T 23598

164. Tài liệu bổ trợ học tập chính trị năm 2016. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 239tr. ; 19cm.

Lưu hành nội bộ

355(V)133/LC 13767/LC 13768

355(V)5 - Huấn luyện tác chiến của LLVT Việt Nam

165. Lịch sử khoa lý luận Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh (1956 - 2016). - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 162tr. ; 21cm.

Lưu hành nội bộ

355(V)5/LC 13790

166. Nghiên cứu giải pháp bồi dưỡng năng lực chủ trì về chính trị cho học viên đào tạo chính ủy, chính trị viên trong nhà trường quân đội hiện nay / Lưu Ngọc Khải. - H. : Tổng cục Chính trị, 2015. - 145tr. ; 29cm

355(V)5/T 23602

167. Nghiên cứu giải pháp khắc phục tệ nạn xã hội tác động và nhà trường quân đội hiện nay / Đặng Nam Điền. - H. : Tổng cục Chính trị, 2015. - 85tr. ; 29cm

355(V)5/T 23596

168. Nghiên cứu tổ chức động viên quốc phòng trên địa bàn thành phố Hà Nội đáp ứng yêu cầu bảo vệ tổ quốc / Phạm Tiến Dũng. - H. : Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, 2010. - 184tr. ; 29cm

355(V)58/T 23588

169. Phát huy vai trò đội ngũ giảng viên khoa học xã hội và nhân văn của các nhà trường quân đội trong đấu tranh tư tưởng - lý luận hiện nay / Nguyễn Sỹ Họa. - H. : Tổng cục Chính trị, 2016. - 123tr. ; 29cm

355(V)5/T 23599

170. Võ tay không trong huấn luyện thể lực. - Tái bản. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 131tr. ; 19cm

Lưu hành nội bộ

355(V)53/LC 13837/LC 13838

355(V)6 - Cơ quan hậu cần và cung cấp

171. Lịch sử Kho 186 (1976 - 2016). - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 228tr. ; 21cm

Lưu hành nội bộ

355(V)6+355(V)(09)/LC 13595

172. Lịch sử Lữ đoàn 683 (1966 - 2016) / Nghiêm Sĩ Lương chủ biên. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 367tr. ; 22cm

Lưu hành nội bộ

355(V)6/77136/77137/ LC 13622/LC 13623

173. Nghiên cứu công tác bảo đảm hậu cần cho lực lượng vũ trang tác chiến bảo vệ biển, đảo / Nguyễn Tân Đệ. - H. : Bộ Quốc phòng, 2012. - 95tr. ; 29cm

355(V)6/T 23590

355(N...)- Các LLVT nước ngoài

174. Cách đánh chiến dịch phản công trên địa bàn quân khu 4 Campuchia: Luận án tiến sĩ quân sự: Nghệ thuật chiến dịch: 62.86.02.04 / Heng Borinn. - Đà Lạt : Học viện Lục quân, 2013. - 131tr. : + phụ lục ; 30cm

Phục vụ hạn chế

355(N442)03/LAV 8339

175. Cách đánh chiến dịch phòng ngự của quân đội Hoàng Gia Campuchia trên địa bàn quân khu 5: Luận án tiến sĩ quân sự: Nghệ thuật chiến dịch: 62.86.62.05 / Chea Saran. - Đà Lạt : Học viện Lục quân, 2011. - 133tr. : + phụ lục ; 30cm

Phục vụ hạn chế

355(N442)03+355(V)03/LAV 8333

176. Cách đánh của sư đoàn bộ binh được tăng cường phòng ngự ở địa hình trung du quân khu 3 Campuchia: Luận án tiến sĩ quân sự: Chiến thuật: 62.86.62.10 / Prum Pheng. - Đà Lạt : Học viện Lục quân, 2011. - 127tr. : + phụ lục ; 30cm

Phục vụ hạn chế

355(N442)721+355(N422)03/LAV 8387

177. Cách đánh của sư đoàn bộ binh quân đội hoàng gia tiến công địch phòng ngự ở rừng bằng quân khu 4 Campuchia: Luận án tiến sĩ quân sự: Chiến thuật: 62.86.02.05 / Suon Khamlor. - Đà Lạt : Học viện Lục quân, 2016. - 146tr. : + phụ lục ; 30cm

Phục vụ hạn chế

355(N442)721+355(N422)03/LAV 8367

178. Hoạt động tác chiến bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới của bộ đội biên phòng quân đội Hoàng gia Campuchia trên địa bàn quân khu 5: Luận án tiến sĩ quân sự: Nghệ thuật chiến dịch: 62.86.02.05 / Seng Sareu. - Đà Lạt : Học viện Lục quân, 2013. - 130tr. : + phụ lục ; 30cm

Phục vụ hạn chế

355(N442)03/LAV 8340

179. Nghệ thuật sử dụng lực lượng trong chiến dịch tiến công của quân đội Hoàng gia Campuchia trên địa bàn quân khu 3: Luận án tiến sĩ quân sự: Nghệ thuật chiến dịch: 62.86.02.04 / Than Sokhen. - Đà Lạt : Học viện Lục quân, 2016. - 134tr. : + phụ lục ; 30cm

Phục vụ hạn chế

355(N442)03/LAV 8341

180. Phương pháp tác chiến chiến dịch tiến công của quân đội hoàng gia ở địa bàn quân khu 3 Campuchia: Luận án tiến sĩ quân sự: Chiến thuật: 62.86.02.05 / Chan Nonvichea. - Đà Lạt : Học viện Lục quân, 2016. - 141tr. : + phụ lục ; 30cm

Phục vụ hạn chế

355(N442)03/LAV 8353

181. Tổ chức hệ thống trận địa của sư đoàn bộ binh được tăng cường phòng ngự ở địa hình trung du quân khu 3 Campuchia: Luận án tiến sĩ quân sự: Chiến thuật: 62.86.62.10 / Nim Baleng. - Đà Lạt : Học viện Lục quân, 2011. - 121tr. : + phụ lục ; 30cm

Phục vụ hạn chế

355(N442)721+355(N442)03/LAV 8361

182. Tổ chức và thực hành chiến đấu của sư đoàn bộ binh quân đội hoàng gia tiến công địch phòng ngự ở địa hình rừng núi quân khu 5 Campuchia: Luận án tiến sĩ quân sự: Chiến thuật: 62.86.02.05 / Uôn Lôn. - Đà Lạt : Học viện Lục quân, 2013. - 122tr. : + phụ lục ; 30cm

Phục vụ hạn chế

355(N442)721+355(N442)03/LAV 8365

183. Tổ chức và thực hành đánh địch đột nhập kết hợp với đổ bộ đường không của sư đoàn bộ binh quân đội hoàng gia phòng ngự ở địa hình rừng núi quân khu 5 Campuchia: Luận án tiến sĩ quân sự: Chiến thuật: 62.86.02.05 / Roeun Serey. - Đà Lạt : Học viện Lục quân, 2016. - 155tr. : + phụ lục ; 30cm

Phục vụ hạn chế

355(N442)721+355(N442)03/LAV 8349

184. Tổ chức và thực hành phòng ngự của lực đoàn hải quân đánh bộ quân đội hoàng gia ở khu vực bờ biển quân khu 3 Campuchia: Luận án tiến sĩ quân sự: Chiến thuật: 62.86.02.05 / Rem Kann. - Đà Lạt : Học viện Lục quân, 2016. - 139tr. : + phụ lục ; 30cm

Phục vụ hạn chế

355(N442)75+355(N442)03/LAV 8352

185. Tổ chức, sử dụng lực lượng dự bị binh chủng hợp thành trong chiến dịch tiến công của quân đội hoàng gia trên địa bàn quân khu 5 Campuchia: Luận án tiến sĩ quân sự: Nghệ thuật chiến dịch: 62.86.02.04 / Dương Sôkhôn. - Đà Lạt : Học viện Lục quân, 2013. - 138tr. : + phụ lục ; 30cm

Phục vụ hạn chế

355(N442)03/LAV 8344

186. Tổ chức, sử dụng và bố trí tăng thiết giáp của sư đoàn bộ binh quân đội hoàng gia được tăng cường phòng ngự ở địa hình rừng bằng quân khu 4 Campuchia: Luận án tiến sĩ quân sự: Chiến thuật: 62.86.62.10 / Nop Ratana. - Đà Lạt : Học viện Lục quân, 2010. - 139tr. : + phụ lục ; 30cm

Phục vụ hạn chế

355(N442)+355(N442)03/LAV 8346

355(T) - Các LLVT thể giới

187. Quân sự thể giới - Góc nhìn của một quân nhân: Sách tham khảo / Vũ Văn Khanh. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 299tr. ; 21cm

T.3

355(T)/LC 13757/LC 13758

355.71 - Bộ đội tên lửa

188. Nghiên cứu giải pháp bảo đảm an toàn cho kho đạn dược lục quân: Luận văn thạc sĩ kỹ thuật: Cơ kỹ thuật - Đạn: 60.52.01.01 / Chấn Tha Vông - Lất Ta Na Vông. - H. : Học viện Kỹ thuật Quân sự, 2016. - 80tr. ; 30cm

Phục vụ hạn chế

355.71/LAV 8326

189. Nghiên cứu nâng cao chất lượng bảo quản súng pháo khí tài trên địa bàn Tây Nguyên (kho K897/ Cục Quân khí / TCKT: Luận văn thạc sĩ kỹ thuật: Cơ khí kỹ thuật - Vũ khí: 60.52.01.01 / Nguyễn Chu Nghĩa. - H. : Học viện Kỹ thuật Quân sự, 2016. - 94tr. : + phụ lục ; 30cm

Phục vụ hạn chế

355.71/LAV 8329

190. Nghiên cứu phương pháp dẫn khói chiến đấu tên lửa đạn đạo trong giai đoạn tiếp cận mục tiêu: Luận văn thạc sĩ kỹ thuật: Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá:

60.52.02.16 / Trần Quang Hoan. - H. : Học viện Kỹ thuật Quân sự, 2015. - 94tr. : + phụ lục ; 30cm

Phục vụ hạn chế

355.71/LAV 8331

191. Nghiên cứu thiết kế, làm chủ công nghệ chế tạo súng chống tăng RPG-29 theo mẫu của Nga: Luận văn thạc sĩ kỹ thuật: Cơ khí kỹ thuật - Vũ khí: 60.52.01.01 / Vũ Đức Dũng. - H. : Học viện Kỹ thuật Quân sự, 2016. - 79tr. : + phụ lục ; 30cm

Phục vụ hạn chế

355.71/LAV 8328

355.721 - Bộ đội bộ binh

192. Sách dạy sử dụng lựu đạn. - Tái bản. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 66tr. ; 19cm

Lưu hành nội bộ

355.721/LC 13804/LC 13805

193. The gun that changed the world / Mikhail Kalashnikov, Elena Joly. - Malden : Polity, 2006. - 175p. ; 21cm

355.721/A 13028

355.723 - Bộ đội pháo binh

194. Nghiên cứu nâng cao năng lực dây chuyền sửa chữa lớn đạn pháo tại nhà máy Z113: Luận văn thạc sĩ kỹ thuật: Cơ kỹ thuật - Đạn: 60.52.01.01 / Chấn Tha Vông - Lát Ta Na Vông. - H. : Học viện Kỹ thuật Quân sự, 2015. - 91tr. ; 30cm

Phục vụ hạn chế

355.723/LAV 8327

355.726 - Bộ đội thông tin liên lạc

195. Nghiên cứu xây dựng mạng VSAT đảm bảo thông tin chỉ huy điều hành trong quân đội: Luận văn thạc sĩ kỹ thuật: Kỹ thuật điện tử: 60.52.02.03 / Trần Ngọc Nam. - H. : Học viện Kỹ thuật Quân sự, 2015. - 91tr. ; 30cm

Phục vụ hạn chế

355.726+6V5/LAV 8330

355.727 - Bộ đội hóa học

196. Khảo sát và chế tạo mẫu giấy phát hiện chất độc quân sự nhóm V, G và H dạng lỏng: Luận văn thạc sĩ kỹ thuật: Kỹ thuật hoá học: 60.52.03.01 / Lại Văn Cường. - H. : Học viện Kỹ thuật Quân sự, 2015. - 66tr. ; 30cm

Phục vụ hạn chế

355.727/LAV 8332

4 - NGÔN NGỮ HỌC

197. 9 chiến lược học tiếng Anh thành công cho người Việt Vì sự thành công của người Việt trong môi trường toàn cầu hóa / Victoria Quỳnh Giang. - Tái bản lần 2. - H. : Phụ nữ, 2016. - 203tr. ; 23cm

4(N523)(075.8)/M 164517/M 164518

198. Từ điển Anh Việt = English - Vietnamese Dictionary / Lê Khả Kế. - H. : Hồng Đức, 2015. - 1292tr. ; 18cm

4(N523)(03)=V/77468/77469

199. Từ điển Nhật - Việt / Minh Hiếu, Quỳnh Nga. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2016. - 913tr. ; 21cm

4(N413)(03)=V/77470/77471

200. Từ điển tiếng Việt dành cho học sinh / Thành Yến biên soạn. - H. : Văn hóa thông tin, 2013. - 720tr. ; 13cm

4(V)(03)/77464/77465

201. Từ điển Việt - Nhật / Kamiya Taeko; Minh Tân dịch. - H. : Văn hóa thông tin, 2012. - 693tr. ; 18cm

4(V)(03)=Nh/77466/77467

5 - KHOA HỌC TỰ NHIÊN. TOÁN HỌC

50 - Môi trường. Khoa học thiên nhiên...

202. Strategic currents / Yang Razali Kassim. - Singapre : S. Rajartnam School of International Studies, 2011. - 232p. ; 23cm

Vol. 3 : Issues in human security in Asia

50/AV 12056

52 - Thiên văn học

203. Âm dương đối lịch 2016 - 2024 / Nghiêm Minh Quách, Trần Khang Ninh. - H. : Lao động, 2015. - 372tr. ; 24cm

522.89+299/V 15241/V 15242

204. Lịch vạn niên thông dụng (1931 - 2055) / Trần Đình Tuấn. - Tái bản có bổ sung. - H. : Lao động, 2015. - 608tr. ; 27cm

522.89/V 15247/V 15248

6 - KĨ THUẬT

60 - Các vấn đề kĩ thuật nói chung

205. Khoa học và công nghệ dự báo và phát triển. - H. : Viện Thông tin khoa học xã hội, 2015. - 131tr. ; 29cm
601/T 23609

6C - Các ngành công nghiệp

206. 100 món ăn đổi bữa / Nguyễn Thị Diệu Thảo. - H. : Phụ nữ, 2016. - 206tr. ; 24cm.
6C8.9/M 164693/M 164694/M 164695

6V - Vận tải

207. Offshore Asia: maritime interactions in Eastern Asia before steamships / Ed. by: Fujita Kayoko, Momoki Shiro, Anthony Reid. - Singapore : Institute of Southeast Asian Studies, 2013. - 344p. ; 23cm
6V4.24/AV 12053

7 - NGHỆ THUẬT

778 - Nghệ thuật điện ảnh

208. Angelina Jolie bản sắc một huyền thoại / Kay. - H. : Thế giới, 2016. - 498tr. ; 24cm.
778(N711)+V24/M 164499/M 164500

78 - Âm nhạc

209. Thư tình gửi một người / Trịnh Công Sơn. - Tái bản lần thứ 4. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2016. - 356tr. ; 24cm
78(V)+V26/M 164313/M 164314

210. Trịnh Công Sơn - Tôi là ai.... - Tái bản lần thứ 5. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2015. - 581tr. ; 24cm
78(V)/M 164315/M 164316

8 - NGHIÊN CỨU VĂN HỌC

801 - Lí luận văn học

211. Loại hình thơ mới Việt Nam (1932 - 1945) / Nguyễn Thanh Tâm. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015. - 379tr. ; 24cm
801.57/M 164513/M 164514

8(V) - Văn học Việt Nam

212. Gặp: Phê bình văn học / Hoàng Đăng Khoa. - H. : Quân đội nhân dân, 2015. - 252tr. ; 21cm.

8(V)2/M 164424/M 164425/M 164426/ LC 13657/LC 13658

213. Giọt sương trong lá sen: Chân dung văn học. Đàm luận văn chương / Khuất Bình Nguyên. - H. : Hội nhà văn, 2016. - 247tr. ; 24cm

8(V)/V 15245/V 15246

214. Những gương mặt: Chân dung văn học / Tô Hoài. - H. : Văn học, 2016. - 260tr. ; 21cm

8(V)/M 164341/M 164342/M 164343

9 - LỊCH SỬ

9(T) - Lịch sử thế giới

215. Những tấm gương vượt lên hoàn cảnh / Anh Ba sưu tầm, biên soạn. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 192tr. ; 21cm

9(T)(092)/LC 13748/LC 13749

216. War and society / Miguel A. Centeno, Elaine Enriquez. - Malden : Polity, 2016. - 224p. ; 21cm

9(T)/A 13029

9(V) - Lịch sử Việt Nam

217. 83 năm...nước Pháp với Việt Nam đã mấy lần ký hiệp ước? / Nguyễn Kỳ Nam. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2016. - 175tr. ; 21cm

9(V)/77434/77435

218. Chế độ thực dân Pháp trên đất Nam Kỳ (1859 - 1954) / Nguyễn Đình Tư. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2016.; 24cm

T.1 - 555tr.

9(V)+355(V)(09)21/V 15222/V 15223

T.2 - 583tr.

9(V)+355(V)(09)21/V 15224/V 15225

219. Lịch sử chủ quyền Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa / Nguyễn Mạnh Hà chủ biên. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 419tr. ; 21cm

Lưu hành nội bộ

9(V)+341.15/LC 13691/LC 13692

220. Nam Hải di nhân liệt truyện / Phan Kế Bính. - Tái bản lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2016. - 255tr. ; 20cm. - (Cảo thơm trước đèn)

9(V)(092)+V13/M 164269/M 164270/M 164271

221. *Phát triển du lịch trên cơ sở khai thác hợp lý giá trị di sản văn hóa thế giới vật thể* / Nguyễn Thị Thống Nhất. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2016. - 236tr. ; 24cm

9(V)(069)+338.72/V 15235/V 15236/ M 164521/M 164522

222. *War and diplomacy in Kashmir* / C. Dugupta. - New York : Routledge, 2014. - 239p. ; 20cm

9(N461)/A 13017

90 – KHẢO CỔ HỌC

223. *Lịch sử tiền giấy Việt Nam: Những câu chuyện chưa kể* / Thng Tien Tat. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa văn nghệ, 2016. - 247tr. ; 24cm.

902.97/V 15233/V 15234

224. *Văn hóa tộc người Co*: Sách tham khảo / Chu Thái Sơn chủ biên, Phạm Văn Lợi, Ngô Vĩnh Bình. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 152tr. ; 21cm. - (Việt Nam - Bức tranh đa văn hóa tộc người)

902.7(V)/LC 13835/LC 13836

225. *Văn hóa tộc người Hmông*: Sách tham khảo / Chu Thái Sơn chủ biên, Trần Thị Thu Thủy. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 216tr. ; 21cm. - (Việt Nam - Bức tranh đa văn hóa tộc người)

902.7(V)/LC 13829/LC 13830

226. *Văn hóa tộc người Khơ-mú*: Sách tham khảo / Chu Thái Sơn chủ biên, Vi Văn An. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 164tr. ; 21cm. - (Việt Nam - Bức tranh đa văn hóa tộc người)

902.7(V)/LC 13833/LC 13834

227. *Văn hóa tộc người Nùng*: Sách tham khảo / Chu Thái Sơn chủ biên, Hoàng Hoa Toàn. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 148tr. ; 21cm. - (Việt Nam - Bức tranh đa văn hóa tộc người)

902.7(V)/LC 13827/LC 13828

228. *Văn hóa tộc người Thái*: Sách tham khảo / Chu Thái Sơn chủ biên, Cẩm Trọng. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 220tr. ; 21cm. - (Việt Nam - Bức tranh đa văn hóa tộc người)

902.7(V)/LC 13831/LC 13832

V - TÁC PHẨM VĂN HỌC

V1 - TPVH Việt Nam trước 1945

229. *Đồng hào có ma* / Nguyễn Công Hoan. - H. : Văn học, 2016. - 198tr. ; 21cm
V13/M 164336/M 164337

230. Người ngựa và ngựa người / Nguyễn Công Hoan. - H. : Văn học, 2016. - 190tr. ; 21cm

V13/M 164333/M 164334/M 164335

231. Truyện Kiều - Ấn bản đặc biệt kỷ niệm 250 năm năm sinh đại thi hào Nguyễn Du / Nguyễn Du. - Tái bản lần thứ hai. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2016. - 462tr. ; 24cm

V11/M 164304

232. Truyện ngắn Nguyễn Công Hoan / Nguyễn Công Hoan. - H. : Văn học, 2016. - 190tr. ; 21cm. - (Tủ sách Văn học)

V13/M 164328/M 164329

233. Truyện ngắn Nguyễn Hồng / Nguyễn Hồng. - H. : Văn học, 2016. - 183tr. ; 21cm

V13/M 164330/M 164331/M 164332

234. Võ đê: Tiểu thuyết / Vũ Trọng Phụng. - H. : Văn học, 2015. - 234tr. ; 21cm

V13/M 164356/M 164357/M 164358

V2 - TPVH Việt Nam sau 1945

235. Bí quyết của hạnh phúc: Chuyện kể ở đại đội / Hồ Bá Vinh. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 219tr. ; 19cm

V23/LC 13843/LC 13844

236. Biển khóc: Tập truyện ngắn / Lê Mạnh Thường. - Tái bản có sửa chữa. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 220tr. ; 21cm

V23/LC 13738/LC 13739

237. Cà phê phố cũ: Tập truyện ngắn / Trần Thanh Cảnh. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 184tr. ; 19cm

V23/LC 13603/LC 13604

238. Cách mạng và người nghệ sĩ: Tiểu luận - phê bình văn học / Ngô Vĩnh Bình. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 199tr. ; 19cm

V25+8(V)/LC 13793/LC 13794

239. Câu lạc bộ số 7: Tiểu thuyết trinh thám / Di Li. - H. : Lao động, 2016. - 538tr. ; 24cm.

V23/M 164486/M 164487/M 164488

240. Chiếc cầu có mái: Tập truyện ngắn / Hữu Tiến. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 176tr. ; 19cm

V23/LC 13742/LC 13743

241. Chút tình đời: Thơ / Kiều Ngọc Thanh. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 79tr. ; 19cm

V21/LC 13806/LC 13807

- 242. *Chuyện của Ju và Ki*:** Truyện ngắn / Kio. - H. : Văn học, 2016. - 254tr. ; 21cm
V23/M 164377/M 164378/M 164379
- 243. *Cuộc hành quân cùng nghệ thuật múa* / Khắc Tuất.** - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 339tr. ; 21cm
V24+792(V)/LC 13815/LC 13816
- 244. *Đám cưới tháng bảy*:** Tập truyện ngắn / Lê Ngọc Minh. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 160tr. ; 19cm
V23/LC 13601/LC 13602
- 245. *Đảng nam hoa gạo nở đỏ*:** Tản văn và truyện ngắn / Vũ Văn Song Toàn. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 183tr. ; 19cm
V23/M 164482/M 164483/M 164484/ LC 13659/LC 13660
- 246. *Đất Hồng Lam qua từng trang sách* / Lê Anh Thi.** - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 203tr. ; 21cm
V24/ LC 13811/LC 13812
- 247. *Gom nhặt cuối mùa*:** Thơ / Nguyễn Thành Chung. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 67tr. ; 18cm
V21/LC 13706/LC 13707
- 248. *Họ là những người lính Quảng Trị*:** Ghi chép thời chiến / Nguyễn Văn Hợi. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 123tr. ; 21cm
V24/LC 13759/LC 13760
- 249. *Hoa Thùy Miên*:** Tiểu thuyết / Phạm Hoàng Hải. - H. : Hội nhà văn, 2016. - 351tr. ; 24cm.
V23/M 164489/M 164490/M 164491
- 250. *Hồi ức lính* / Vũ Công Chiến.** - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2016. - 714tr. ; 24cm
V24/M 164310/M 164311/M 164312
- 251. *Hùng karô*:** Tiểu thuyết / Chu Lai. - H. : Văn học, 2016. - 530tr. ; 21cm
V23/M 164317/M 164318/M 164319
- 252. *Kể chuyện nhà tù Hỏa Lò* / Lê Văn Ba.** - H. : Thanh niên, 2016. - 259tr. ; 19cm
V24+9(V)/77472/77473
- 253. *Kỷ niệm về một người lính*:** Truyện và ký / Bùi Thị Sơn. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 199tr. ; 19cm
V23+V24/LC 13704/LC 13705
- 254. *Lai rai chén rượu giang hồ* / Huỳnh Ngọc Chiến.** - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2015. - 322tr. ; 23cm

V25/M 164305/M 164306/M 164307

255. *Làng ba họ*: Tiểu thuyết / *Hoàng Giá*. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 284tr. ; 21cm

V23/LC 13744/LC 13745

256. *Mạch ngầm*: Tiểu thuyết / *Nguyễn Văn Cự*. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 295tr. ; 21cm

V23/LC 13813/LC 13814

257. *Một đêm ở thung lũng*: Tập truyện ngắn / *Nguyễn Đăng Trình*. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 192tr. ; 19cm

V23/LC 13791/LC 13792

258. *Một loài chim trên sóng*: Truyện ngắn / *Đỗ Chu*. - H. : Văn học, 2016. - 197tr. ; 21cm

V23/M 164320/M 164321/M 164322

259. *Một thời chiến trận - Một thời thể thao*: Ký / *Nguyễn Hữu Tài*. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 256tr. ; 21cm

V24/LC 13746/LC 13747/ M 164388/M 164389/M 164390

260. *Mưa đỏ*: Tiểu thuyết / *Chu Lai*. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 331tr. ; 21cm

V23/LC 13698/LC 13699

261. *Mùa hoa xoan tím*: Tản văn / *Trần Văn Lợi*. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 192tr. ; 19cm

V25/LC 13641/LC 13642

262. *Những buổi chiều tháng Bảy*: Tập truyện ngắn / *Vũ Minh Nguyệt*. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 220tr. ; 21cm

V23/LC 13800/LC 13801

263. *Những con đường sau lặng im tiếng súng*: Bút ký / *Bùi Thị Như Lan*. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 207tr. ; 21cm

V24/LC 13773/LC 13774

264. *Những người lính kiên trung giữ biển*: Ký sự / *Lê Mạnh Thường*. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 183tr. ; 21cm

V24/77436/77437

265. *Những tấm gương bình dị mà cao quý*. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 252tr. ; 21cm. - (Tủ sách "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh")

T.12

V24/LC 13700/LC 13701

- 266. Nổi tiếng có phải là một món quà:** Ký chân dung / *Đinh Thu Hiền*. - H. : Phụ nữ, 2016. - 403tr. ; 21cm
V24+7(V)/M 164445/M 164446/M 164447
- 267. Nửa đêm nằm nhớ:** Tập văn / *Tiểu Quyên*. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2016. - 192tr. ; 20cm.
V25/M 164268
- 268. Quả lựu đạn cài hoa:** Truyện và ký / *Hoàng Tương Lai*. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 212tr. ; 19cm
V24+V23/LC 13728/LC 13729/ M 164385/M 164386/M 164387
- 269. San hô trắng:** Ký và truyện / *Phan Tiến Dũng*. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 167tr. ; 21cm
V23+V24/LC 13823/LC 13824
- 270. Sao anh lại... lấy chồng em?:** Truyện ngắn / *Hoàng Hải Lâm*. - H. : Văn học, 2016. - 258tr. ; 21cm.
V23/M 164323/M 164324/M 164325
- 271. Sen hồng trong bão táp / Trầm Hương.** - H. : Phụ nữ, 2015. - 511tr. ; 24cm
T.1
V24/M 164515/M 164516
- 272. Sông:** Tiểu thuyết / *Nguyễn Ngọc Tư*. - Tái bản lần thứ 11. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2016. - 229tr. ; 20cm
V23/M 164272/M 164273/M 164274
- 273. Tám ngàn rưỡi dặm:** Bút ký / *Tuấn Việt*. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2015. - 166tr. ; 20cm
V24/M 164265/M 164266/M 164267
- 274. Tập truyện ngắn / Đỗ Nhật Minh.** - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 151tr. ; 19cm
V23/LC 13796/LC 13797
- 275. Thư gửi ông ngoại:** Tập truyện ngắn / *Đặng Nguyên Sơn*. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 167tr. ; 19cm.
V23/M 164391/M 164392/M 164393/ LC 13726/LC 13727
- 276. Tia chớp cuối chiều:** Tiểu thuyết / *Nguyễn Tiến Hải*. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 235 ; 19cm
V23/LC 13653/LC 13654
- 277. Tiếng cười sau quấy tấu:** Bút ký / *Hoàng Nghiệp*. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 200tr. ; 19cm
V24/LC 13724/LC 13725

- 278. *Tình quê hương*:** Tập thơ / *Tự Khê*. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 151tr. ; 21cm
V21/LC 13839/LC 13840
- 279. *Tình yêu và khát vọng*:** Tiểu thuyết / *Lương Quang Đăng*. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 335tr. ; 21cm
V23/LC 13732/LC 13733
- 280. *Tổ chim trên sóng*:** Tiểu thuyết / *Hoàng Bình Trọng*. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 200 ; 19cm
V23/LC 13655/LC 13656/ M 164478/M 164479/M 164480
- 281. *Trái tim người lính*:** Tản văn / *Phạm Thị Thanh*. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 179tr. ; 19cm
V25/LC 13841/LC 13842
- 282. *Trình nữ*:** Tập truyện ngắn. - H. : Quân đội nhân dân, 2016. - 220tr. ; 19cm
V23/LC 13765/LC 13766
- 283. *Với Đà Lạt, ai cũng là lữ khách*:** Tản văn / *Nguyễn Vĩnh Nguyên*. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2014. - 158tr. ; 19cm
V25/M 164264
- 284. *Xanh*:** Truyện ngắn / *Chu Thùy Anh*. - H. : Văn học, 2016. - 186tr. ; 21cm
V23/M 164338/M 164339/M 164340

Đ - SÁCH THIẾU NHI

- 285. *Di sản thừa kế* / Christopher Paolini; Đặng Phi Bằng dịch.** - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2014.; 20cm
T.1 - 532tr.
ĐN(711)13=V/M 164275/M 164276/M 164277
- T.2 - 574tr.
ĐN(711)13=V/M 164278/M 164279/M 164280

PHẦN II: ĐIỂM SÁCH

1. Human Security/ Taylor Owen.- Los Angeles: SAGE, 2013.- 470p.; 24cm

327 / AV 12031

Bộ máy an ninh không thể sử dụng để chỉ ra hết được những mối lo ngại đối với từng cá nhân con người, tuy nhiên nó có thể giúp cho việc bảo vệ con người tránh được những hiểm họa nghiêm trọng nhất mà con người có thể đối mặt.

Bộ sách gồm 4 tập:

Tập I. Khái niệm và sự phê bình: Trình bày khái niệm về an ninh, an ninh con người, an ninh con người đối với vấn đề quản trị toàn cầu, nghiên cứu an ninh và sự kết thúc chiến tranh lạnh, những thách thức đối với luật pháp quốc tế...

Tập II. Lý thuyết phân tích: Phân tích về vấn đề an ninh quốc gia, an ninh quốc tế, an ninh con người, giới tính, toàn cầu hóa với vấn đề an ninh con người...

Tập III. Chính sách và sự ủng hộ: Dự đoán tương lai của vấn đề an ninh con người trong việc hợp tác quốc tế, chính sách Nhật Bản với vấn đề an ninh con người, tính nhân văn và an ninh con người trong thế giới hậu sự kiện 11-9...

Tập IV. Phương pháp luận và công cụ: Phân tích ý tưởng về an ninh con người, chỉ số phát triển con người, vấn đề dữ liệu trong nghiên cứu xung đột...

2. International Relations in Southeast Asia: Between Bilateralism and Multilateralism/ N. Ganesan, Ramses Amer.- Singapore: Institute of Southeast Asia Studies, 2010.- 350p.; 23cm

AV 12051

Cuốn sách này là tác phẩm cuối cùng của một dự án về chủ nghĩa song phương và chủ nghĩa đa phương ở Đông Nam Á. Quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á đã được Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á tập trung nghiên cứu nhiều đến nỗi làm cho các vấn đề quốc tế liên bang ngày càng bị lu mờ. Cuốn sách đã cung cấp thông tin được trình bày trong hai hội thảo quốc tế tổ chức tại Hiroshima và Kuala Lumpur tháng 12 – 2007 và tháng 10 – 2008, gồm 9 đề tài nghiên cứu sâu sắc tập trung vào việc quản lý căng thẳng song phương liên tục diễn ra tại 8 quốc gia trong khu vực. Tác giả đã dùng những thuật ngữ thực để dự đoán những thách thức về mặt chính trị của các diễn đàn đa phương ASEAN.

Nội dung cuốn sách được chia làm 3 phần:

Phần I: Về các quan hệ quốc tế: Phân tích chủ nghĩa đa phương, chủ nghĩa song phương và chủ nghĩa khu vực, tổng quan về lý thuyết quan hệ quốc tế và tình hình quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á.

Phần II: Đông Nam Á đại lục: Về quan hệ Việt Nam – Thái Lan sau chiến tranh lạnh, quan hệ Việt Nam – Campuchia, quan hệ Thái Lan – Mianma và quan hệ Thái Lan – Malaixia.

Phần III: Đông Nam Á hàng hải: Về quan hệ Malaixia – Indônêxia, quan hệ Indônêxia – Singapore, vấn đề song phương và đa phương trong quan hệ Malaixia – Philippin, quan hệ Malaixia – Singapore và quan hệ song phương Indônêxia – Philippin.

3. China's Political System: Modernization and Tradition/ June Teufel Dreyer.- Boston: Pearson, 2015.- 381p.; 23cm

32(N414) / AV 12042

Cuốn sách gồm 15 phần. Nội dung giới thiệu một cách ngắn gọn về hệ thống chính trị, kinh tế, xã hội của Trung Quốc từ truyền thống đến hiện đại. Sau khi xem xét các bối cảnh lịch sử và xu hướng hiện nay, tác giả đã phân tích những thách thức mà Trung Quốc phải và sẽ đối mặt trong các lĩnh vực kinh tế, pháp luật, quân sự, xã hội..., đồng thời đánh giá các vấn đề chính trị thời kỳ Mao Trạch Đông, thời kỳ hậu Mao Trạch Đông, vấn đề chính trị, kinh tế, tội phạm, vai trò của quân đội, giáo dục, vấn đề chất lượng sống, vấn đề văn hóa nghệ thuật, chính sách đối ngoại....Cuốn sách còn cập nhật những phát triển về mặt chính trị đáng chú ý đầu năm 2014, những thay đổi chính sách từ Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 8 và Đại hội Dân Quốc lần thứ 12, những thống kê về pháp lý và kinh tế gần đây, sự thay đổi về mối quan hệ giữa chính quyền trung ương, tỉnh và các chính quyền địa phương, ảnh hưởng của tốc độ tăng trưởng kinh tế...

4. The Politics of Nuclear Weapons / Andrew Futter.- Los Angeles: SAGE,2015.- 263p.; 25cm

327.03 / AV 12041

Giới thiệu về vũ khí hạt nhân trên phương diện chiến lược. Bối cảnh lịch sử và vai trò của vũ khí hạt nhân đối với an ninh quốc tế, những khía cạnh chiến lược, chính trị, khoa học kỹ thuật của vũ khí hạt nhân, những bài học tranh luận về vũ khí hạt nhân của những nhà phân tích và hoạch định chính sách. Cung cấp một cách nhìn mới về vũ khí hạt nhân, đưa ra những hiểu biết về sự phát triển của loại vũ khí này như thế nào và dự báo rằng nổi ám ảnh về loại vũ khí này trong tương lai sẽ được kiểm soát như thế nào. Tác giả cũng phân tích việc thử nghiệm vũ khí hạt nhân, sự gia tăng vũ khí hạt nhân, chiến lược, nhân tố toàn cầu và giải trừ quân bị. Phân tích những chủ đề nổi bật hiện nay như vấn đề khủng bố hạt nhân, những sự kiện hạt nhân...và những hiểu biết về vũ khí hạt nhân liên quan đến bối cảnh lịch sử và hiện đại, đồng thời cũng đưa ra những thách thức của vũ khí hạt nhân trong tương lai.

5. World Politics: Trend and Transfromation/ Shannon L. Blanton, Charles W. Kegley.- Boston: Cengage Learning, 2017.-560p.; 26cm

327 / AV 12050

Đây là một cuốn sách xuất sắc và đầy tham vọng của tác giả. Ông đã phân tích từ vấn đề quan hệ quốc tế đến lịch sử khu vực Đông Nam Á, đưa ra một loạt các phương pháp phân tích vấn đề bản sắc trong cơ cấu khu vực Đông Nam Á. Cuốn sách ghi lại lịch sử quá trình hình thành khu vực Đông Nam Á và các quan hệ quốc tế hiện đại trong khu vực; giới thiệu về tình hình khu vực, chính trị và chính phủ, chủ nghĩa địa phương và bản sắc khu

vực ở Đông Nam Á, các tổ chức quốc tế, quan hệ quốc tế, quan hệ ngoại giao trong khu vực; phác họa hình ảnh một cộng đồng mới và một khu vực được hình thành có tính xã hội mang tên Đông Nam Á; phân tích nội dung về dân tộc chủ nghĩa, địa phương chủ nghĩa và trật tự trong chiến tranh lạnh, nêu sự phát triển của tổ chức quốc tế, sự phân chia ở Đông Nam Á và việc xây dựng “một Đông Nam Á”, đồng thời phân tích vấn đề toàn cầu hóa, sự khủng hoảng bản sắc khu vực và dự đoán về một khu vực Đông Nam Á trong tương lai.